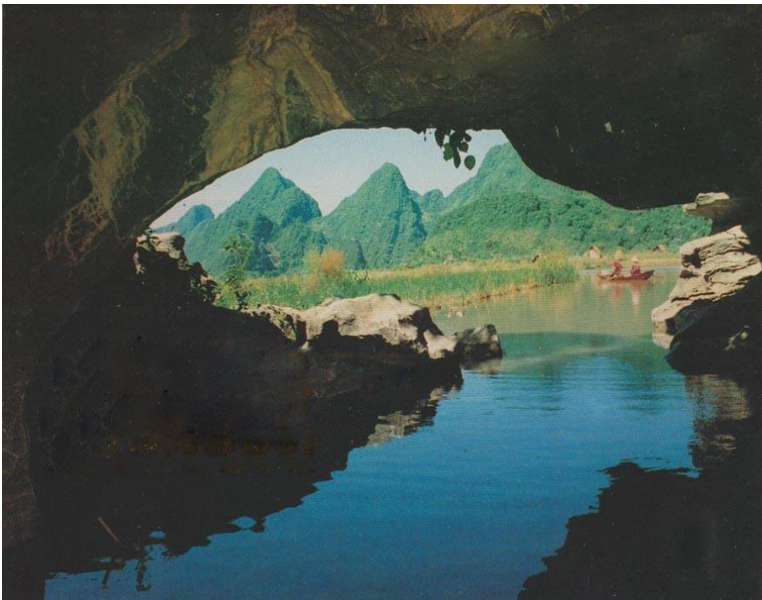


CHƯƠNG 7

Tuyến Chùa Hương Tích

Phần 7-1

SUỐI YẾN – ĐỀN TRÌNH –
CHÙA THIÊN TRÙ



Ngày đi chơi chùa Hương đã tới. Từ tờ mờ sáng, chúng tôi đã chuẩn bị xong và sẵn sàng cho cuộc đi chơi hôm nay.

Uyên và Thi không quên sắp thêm chút ít thức ăn dọc đường, thêm vài ba chai “nước suối” nhỏ và ít trái cây trước khi ra khỏi nhà.

Uyên trong chiếc áo dài tơ màu mỡ gà, khoác ngoài chiếc áo len màu nâu nhạt. Còn Thi vẫn trong chiếc áo dài trắng học trò hàng ngày, khoác ngoài chiếc áo len mỏng màu tím Huế. Đi leo núi mà hai cô ăn mặc thế kia thì không tiện lắm. Nhưng thôi cũng được, đi lễ chùa mà, ta cũng nên mặc áo dài cho nó trang trọng.

Mỗi người trong chúng tôi đều đeo trên vai một chiếc ba-lô nhỏ, trong đựng vài bộ quần áo để có thể thay đổi đôi ngày.

Nhìn Thi, ở cái tuổi mười lăm, mười sáu trắng tròn tôi không thể không nhớ tới bài thơ “Chùa Hương”.

*Em tuy mới mười lăm
Mà đã lắm người thăm
Nhờ mới mai đưa tới
Khen tươi như trăng rằm.*

Tôi đứng nhìn Thi mà chột bật cười nhẹ. Uyên ngừng lên hỏi vội:

- Có chuyện gì mà anh cười vậy?
- Không! Tôi vội trả lời ngay.

- À, Uyên có nhớ bài thơ “Chùa Hương” của nhà thơ Nguyễn Nhược Pháp không nhỉ?

- Em nhớ! Sao anh?

Tôi mỉm cười, vừa đưa mắt về phía Thi đang lúi húi đi đôi săng-đan da, vừa đọc một đoạn thơ:

*Khăn nhỏ đuôi gà cao
Em đeo dải yếm đào
Quần lĩnh áo the mới
Tay cầm nón quai thao
Me cười: “Thầy nó trông!
Chân đi đôi dép cong,
Con tôi xinh xinh quá
Bao giờ cô lấy chồng?”*

Uyên chỉ mỉm cười, không nói. Thi vẫn được bình yên vì nàng không biết những câu thơ tôi vừa đọc là để dành riêng trêu nàng. Hay nàng biết mình bị trêu nhưng tảng lờ.

Thấy mọi người đã sẵn sàng, tôi lên tiếng như ra lệnh:

- Chúng ta đi thôi!

Uyên và Thi cùng đáp:

- Vâng ạ!

Tôi bỏ thức ăn, trái cây và nước vào ba-lô. Tôi hỏi Thi:

- Ba-lô em có nặng lắm không? Chia sang ba-lô của anh để anh mang đỡ cho. Hôm nay đi bộ xa lắm đó, lại leo núi nữa.

- Không nặng anh ạ!

Vừa nói Thi vừa nhẩy lên mấy cái như để chứng minh với tôi về lời nói của nàng.

- Thôi được! Khi nào em mệt, anh sẽ mang đỡ cho.

- Vâng ạ!

Thi trả lời tôi với khuôn mặt thật rạng rỡ, cái rạng rỡ vui mừng của “đứa trẻ” sắp sửa được đi chơi xa.

Từ bến xe khách Hà Nội, xe chuyển bánh vào khoảng 6 giờ sáng. Vừa ngồi yên chỗ một lúc, tôi liền lấy bản đồ phác họa ngay lộ trình về cuộc đi chơi đề Uyên và Thi không bị bối ngỡ trong cuộc hành trình.

Dựa vào những tài liệu tôi có, lộ trình đi thăm chùa Hương, thông thường người ta có thể chia ra làm 3 tuyến đường chính mà du khách và khách hành hương đến đất Phật thường lui tới.

- Tuyến đường chính đưa tới động Hương Tích.
- Tuyến đường thứ hai đưa tới chùa Hình Bồng.
- Tuyến đường thứ ba đưa tới chùa Tuyết Sơn.

Trong đó, tuyến đường chính đề vào chùa Hương Tích là “trung tâm điểm” thu hút du khách và khách hành hương nhiều nhất.

Đi thăm quần thể Chùa Hương hay Hương Sơn, với ba tuyến trên, ta không thể đi hết trong vòng một

ngày, nhanh lắm cũng phải mất hai ngày, thông thả phải mất ba ngày mới tạm nói là ta đã đi gần hết những điểm chính của quần thể này.



Tuyến đường chính vào chùa Hương Tích

Chùa Hương hay Hương Sơn thuộc địa phận xã Hương Sơn, huyện Mỹ Đức (trước kia là huyện Hoài An), tỉnh Hà Đông, cách Hà Nội khoảng 60 cây số về hướng Tây Nam. Xe sẽ chạy qua thị xã Hà Đông, tới Ba La rẽ trái, thẳng tới thị xã Vân Đình, rồi tiếp tục chạy ngoặt lên đê sông Đáy. Bên này sông Đáy là đất Ứng Hòa, bên kia sông là đất Mỹ Đức.

Đến dốc Thanh Bò, xe sẽ rẽ xuống khúc đường đá, đi khoảng 4 cây số nữa là tới bến xe Hồng Quang, thuộc xã Hồng Quang. Bến xe Hồng Quang là bến xe đón du khách tới thăm chùa Hương từ mọi

nơi đổ về nên rất đông và nó đã trở thành khu thị tứ có cả quán ăn và quán trọ ngủ qua đêm.

Kề ngay bên xe Hồng Quang là bến đò Đục. *Bến đò Đục* thuộc xã Đục Khê, được coi như là điểm khởi đầu của chùa Hương hay đúng ra là khởi đầu cho một quần thể núi, sông, chùa chiền, hang động của thắng cảnh mang tên *Hương Sơn*.

Từ bến đò này ta có thể đi bộ một quãng khoảng hơn một cây số thì tới *bến đò Yên*. Vào những ngày hội, con đường này rất đông vui.

Ta có thể xuống thuyền tại bến đò Yên. Thuyền bơi dọc theo suối Yên để ghé qua *đền Trình*, rồi từ đây thuyền lại tiếp tục chèo đến *bến đò Trò*, hay bến đò Thiên Trù, nơi đây có *chùa Thiên Trù*, còn gọi là “*chùa Ngoài*”.

Từ Thiên Trù ta đi bộ, lần theo đường núi để đến hang *chùa Tiên* ngay gần đó, rồi qua *chùa Giải Oan* có động Tuyết Quỳnh hay



Chùa Hương Tích ở Hà Tĩnh

Tuyết Kinh, rồi đến *đền Chấn Song* hay còn gọi là đền Cửa Vông. Tiếp tục đi theo triền núi rồi tới *động Hương Tích* hay còn gọi là “*chùa Trong*”.

Để bớt sự chú ý về thời gian dài ngồi tù túng trên xe, tôi kể cho Uyên và Thi nghe một vài câu chuyện vãn về chùa Hương, một thắng cảnh chúng tôi sắp tới.

Tôi hỏi Uyên và Thi:

- Anh đồ hai em ở Việt Nam ta có mấy chùa Hương nào?

Hai người nhìn nhau như hỏi ý. Uyên lên tiếng trước:

- Em không biết!

Thi vui vẻ tiếp theo lời chị:

- Em biết! Hai phải không?

- Giỏi! Sao em biết? Nói cho anh nghe!

- Em chỉ đoán thôi! Thấy anh hỏi có mấy chùa Hương thì em đoán ngay là phải có nhiều hơn một. Em chọn số hai.

Tôi và Uyên cùng phá lên cười. Uyên nói:

- Cô em của chị hơn hẳn chị rồi!

Dựa theo tài liệu đã đọc, tôi nói đề Uyên và Thi hiểu thêm về ngôi *chùa Hương Tích* ở Hà Tĩnh. Chùa này cũng được gọi tắt là *chùa Hương*, nằm trên dãy núi Hồng Lĩnh, có 99 ngọn núi cao vút, thuộc huyện Can Lộc. Chùa được xây trên núi cao nên thường có mây phủ.

Để đến chùa Hương – Hà Tĩnh, khách hành hương cũng phải đi thuyền từ hồ Đường rộng lớn, dọc theo suối Hương Tuyền, rồi lên bờ theo đường núi dốc chừng bốn cây số thì tới chùa. Ngày lễ hội được mở vào mùa Xuân, rơi vào ngày 18 tháng Giêng đầu năm. Khách hành hương cũng đông đảo từ các nơi đổ về đây trải hội.

Ngôi chùa Hương Tích này được xây từ đời nhà Trần, có lẽ vào cùng thời gian vua Trần Nhân Tông vào tu ở chùa Hoa Yên trên núi Yên Tử. Chùa bị tàn phá dưới thời nhà Minh và thời Pháp thuộc. Sau đó, chùa được xây lại theo kiến trúc cổ nguyên thủy.

Tại sao lại có chùa Hương Tích thứ hai ở Hà Đông? Cứ dựa theo những tài liệu xưa để lại cho ta biết, vào thời vua Lê – chúa Trịnh, các vua chúa thường có quê ở trong Thanh Hoá nên các cung tần, mỹ nữ cũng thường được tuyển từ miền Thanh-Nghệ ra. Hàng năm các mỹ nhân này từ kinh đô Thăng Long về dự hội chùa Hương ở Hà Tĩnh nơi gần quê nhà nên rất bất tiện vì đường xá xa xôi. Chúa Trịnh liền giao cho một đại sư Phật giáo nghiên cứu dự án và thực hiện việc xây dựng một chùa Hương Tích thứ hai tương tự ở vùng thắng cảnh non bồng của Hương Sơn thuộc Hà Đông để các mỹ nhân này có thể bái vọng về mà không phải đi xa.

Với lý do đó, theo cuốn “*Hương Sơn thiên tru thiên phả*”, nơi chùa Hương mà riêng tháp chuông chúng ta sắp tới thăm là một “*phiên bản*”, tức xây

dựng đúng theo khuôn mẫu kiến trúc của chùa Hương Tích ở Hà Tĩnh, được xây dựng vào đời Lê Huy Tông dưới niên hiệu Chính Hòa (1680-1704). (Có những tài liệu ghi thời điểm xây dựng chùa Hương ở động Hương Tích khác nhau).

Uyên chen vào câu chuyện:

- Thế là hai chùa được xây dựng cách nhau tới mấy trăm năm. Chùa Hương đầu tiên ở Hà Tĩnh được xây dựng vào cuối thế kỷ thứ 13, chùa Hương ở Hà Đông được xây dựng vào cuối thế kỷ thứ 17.

Tôi gật đầu:

- Ừ, cũng vào khoảng đó.

Xe đã tới Vân Đình. Mọi người xuống xe để nghỉ ngơi giây lát cho “dãn gân dãn cốt” hay ăn quà sáng. Chúng tôi đi tản bộ một quãng rồi mới ghé vào quán hàng mua mấy cái bánh đem lên xe ăn. Xe ngừng tại đây khoảng 20 phút rồi lại tiếp tục lên đường. Xe chạy ngoặt lên đê sông Đáy. Đê chạy song song với sông nên ta dễ quan sát được những ruộng dâu nuôi tằm xanh tươi được trồng dọc theo hai bên bờ sông. Sông Đáy là một nhánh sông của sông Hồng.

Tôi hỏi Thi:

- Nào, cô học trò giỏi của anh! Cô cho anh biết, sông Đáy còn gọi là sông gì? Và trong lịch sử của ta đã xảy ra những chuyện gì trên con sông ấy?

Uyên nhìn Thi cười cười chờ đợi câu trả lời của cô em. Thi nhanh nhẩu và hí hửng trả lời tôi như một cô học trò “đọc bài” (trả bài) cho thầy:

- Thừa anh, sông Đáy là một phụ lưu của sông Hồng, còn gọi là sông Hát. Đúng không ạ? Hai Bà Trưng đã nhảy xuống sông *Hát* tuần tiết để không bị lọt vào tay của quân Mã Viện.

Uyên nhìn Thi thở phào, lấy tay vỗ nhẹ vào vai cô em mấy cái để thay cho lời khen thưởng.

Tôi giảng thêm cho Thi:

- Ngay tại cửa sông Hát (Hát môn), thuộc huyện Phúc Thọ ngày nay, nơi đây có đền thờ Hai Bà với hai con voi phục bằng đá và những câu đối kể công lao của Hai Bà trong việc đứng lên khởi nghĩa chống lại giặc Hán, giải phóng đất nước. Cứ dựa theo di tích như những chiến lũy, dấu vết còn để lại tại những nơi không xa địa phận Hương Sơn là mấy, ta có thể kết luận là khu Hương Sơn này cũng đã từng là trận địa dưới thời Hai Bà. Giữa huyện Lương Sơn và Mỹ Đức có núi Vua Bà, mà theo dân gian kể lại thì đó là một trận địa quan trọng. Trên những núi của Hương Sơn có loại sâm mang tên “sâm Mã Viện”.

Tôi nói tiếp:

- Ngày xưa, có con đường chiến lược gọi là *Thượng Đạo*, từ phía Nam đi lên phía Bắc phải đi qua gần vùng này. Nhờ vào địa thế núi rừng hiểm trở, hãn Hương Sơn đã từng là nơi dừng chân hay

đóng quân tạm thời của những đại quân Lê Lợi ra Bắc đánh quân Minh và đại quân Nguyễn Huệ ra Thăng Long đánh quân Thanh. Cũng có thể, xa xưa hơn nữa, quân của Đinh Tiên Hoàng cũng đã dùng con đường Thượng Đạo này, đã từng qua đây để tiến đánh sứ quân Đỗ Cảnh Thạc ở Thanh Oai thuộc Sơn Tây.

Xe càng chạy tiến tới gần Hương Sơn, những dãy núi màu xám xanh càng ngày càng hiện rõ ra. Cảnh vật chung quanh toàn một màu xanh mát, tươi tốt của mùa xuân.

Chúng tôi đến bến xe Hồng Quang vào đúng 8 giờ sáng. Các xe khách từ các nơi cũng đổ về đây làm quang cảnh bến xe có phần đông đúc nhộn nhịp hẳn lên. Các cửa hàng đã mở cửa tự bao giờ.

Chúng tôi xuống xe, trên vai mỗi người một chiếc ba-lô nhỏ. Bên cạnh bến xe là Bến Đục thuộc làng Đục Khê. Bến Đục là một bến đò trên dòng sông Đáy.

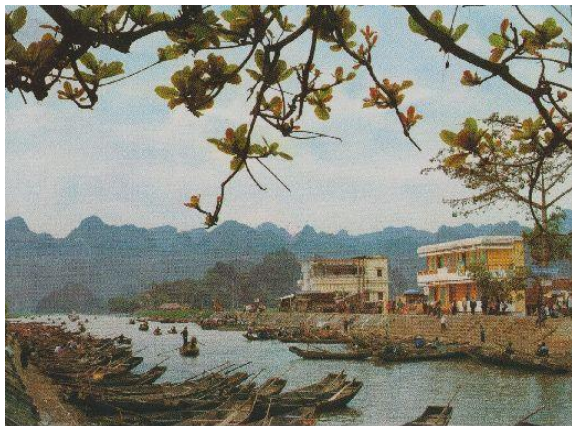
Từ đây coi như ta đã bước chân vào *đất Phật Hương Sơn*. Sông núi hiện ra trước mắt.

*Kể từ lúc bước lên đò Đục
Liếc mắt trông đã mãn mục vãn sơn*

(Trích bài “Hương Sơn Phong Cảnh” của
Vũ Phạm Hàm)

Chúng tôi qua chiếc cầu gạch, đi bộ hơn một cây số thì tới *bến đò Yên* thuộc suối Yên của làng Yên

Vĩ (đuôi chim Yến). Người dân làng Yến Vĩ ví làng mình mang hình dáng con chim yến (hay én), một loại chim của mùa xuân. Phía đầu làng là đầu con chim yến, cuối làng là đuôi con chim yến. Ấu cũng do dân làng tưởng tượng ra đó mà thôi.



Bến đò Yến

Chúng
tôi thuê
một chuyến
đò “tam
bản” đan
bằng tre. Ở
đây có cái
lạ là người
ta thuê
thuyền theo
ngày chứ
không theo

chuyến. Du khách muốn xuống chỗ nào thì thuyền neo đợi. Khi khách trở ra, thuyền sẵn sàng đưa khách đi tiếp. Cô lái đò của chúng tôi còn trẻ, vui tính, rất thân thiện và phải nói thêm là duyên dáng nữa.

Cô lái đò giúp chúng tôi ngồi an vị trên thuyền. Uyên và Thi có lẽ đây là lần đầu đi thuyền trên sông, suối nên hai cô tỏ ra hơi sợ mỗi khi thuyền chòng chành. Nhưng cũng chẳng mấy chốc chúng tôi cũng đã làm quen với chiếc thuyền nan này.

Thuyền từ từ lướt nhẹ theo dòng suối Yến. Nước vỗ vào mạn thuyền nghe thật vui tai. Cảnh vật ở đây,

đúng là cảnh thiên thai, đẹp như một bức tranh sơn thủy. Trước là núi, hai bên cũng là núi, trên cao là trời xanh, ở giữa là dòng suối lững lờ trôi một cách êm đềm, bình thản.

Núi có cái đẹp của núi. Núi không cao nhưng trùng trùng điệp điệp, lớp trước lớp sau, lớp tỏ lớp mờ, lớp ẩn lớp hiện. Màu sắc của núi biến đổi luôn luôn theo ánh sáng mặt trời.

Nước có cái đẹp của nước. Suối Yên không sâu nhưng mở rộng ra như thể không bờ. Nếu có bờ thì cũng chỉ là bờ của những thửa ruộng đồng ngập nước. Từ lòng suối ngoi lên những mảng cỏ xanh. Thêm vào đó, những đám rong rêu lay động, lững lờ trong lòng suối như tóc tiên buông xõa cuốn nhẹ lấy mái chèo.

*Trong làn nước nhẹ mọc rêu xanh
Như gấm mơ hồ dưới thủy tinh,
Chèo khỏa, chèo lên, chèo lại khỏa,
Thuyền đi trên vạt sắc màu xinh.*

(Trích bài “Thăm Cảnh Chùa Hương” của
Xuân Diệu)

Hình bóng phản chiếu trên nước của núi và mây như quện lại với nhau một cách hài hòa và cùng trôi chảy theo chiếc thuyền nan.

Qua mỗi khúc ngoặt hay quanh co của suối, cảnh vật lại đột ngột thay đổi. Cảnh quan thật hùng vĩ nhưng vẫn dung dị êm đềm như thơ, vẫn mang cái tinh khiết thoát tục của nơi đất Phật. Ai đặt chân

đến đây cũng
thấy lòng
mình thanh
thản, xa hẳn
cõi bụi trần.
Người ta đến
đây, với cảnh
trí này, không
phải chỉ để



ngắm cái cảnh đẹp của thiên nhiên mà còn tự muốn
bỏ đi những vướng mắc, trần trụi của bản thân
mình trong đời sống hàng ngày.

Cả ba chúng tôi đều yên lặng để được tận
hưởng, chìm đắm trong cái lâng lâng, buông thả và
bay bổng của tâm hồn. Thỉnh thoảng cả Uyên và Thi
lại “ồ” lên mấy tiếng trước những cảnh đẹp hiện ra
bất ngờ. Như khi thấy những mỏm núi chìa hẳn ra
ngoài suối với hình thù ngộ nghĩnh. Hay ngay trên
đỉnh của ngọn núi nhỏ nằm sát bên bờ suối có một
chiếc miếu nhỏ nằm chênh vênh trên đó nhưng lại
tuyệt đẹp, thanh
thoát, in bóng vurun
lên trên nền trời
cao. Hay bắt chợt,
cùng bắt gặp những
hang động hiện ra
với những mảng
dây leo buông tỏa
xuống như màn.



Khung cảnh nên thơ này không phải chỉ là cái đẹp của núi, của suối và của mây không thôi, mà nó còn được tô điểm bởi những rừng thông thẳng tắp mọc trên triền núi cùng với cái dáng vươn cao của những cây hoa gạo. Người ta nói, những cây hoa gạo này sẽ đỏ rực như những đốm lửa đỏ in trên nền trời xanh vào mùa hè.

Vài con trâu hững hờ ăn cỏ trên đồng, cùng hình ảnh vài ngư phủ đang bì bõm đánh dậm trên cánh đồng chiêm, hay hình ảnh của người tiều phu đang lom khom vác củ rừng trên triền núi, tất cả đều là những nét chấm phá khá đặc biệt của vùng Hương Sơn này. Những nét chấm phá ấy còn hòa trong tiếng chuông trầm buồn ngân lên từ những ngôi cổ tự hay những tiếng ríu rít của đàn chim sáo trên cành cây cổ thụ.

Hương Sơn đã làm rung động tâm hồn của biết bao bậc “thánh thơ” và thi nhân từ cổ chí kim. Hương



Sơn đã đóng góp không ít cho nền văn học, thi ca nước nhà.

*Trời vừa hé sáng, bước lên thuyền
Khoan mái chèo lan, ghé bến tiên
Phong nguyệt thờ ơ bầu ngọc trúc*

*Giang sơn bờ ngõ bức tranh in
Kìa kìa quy phượng ngong kinh bôi*
Nọ nọ lân long lắng giáo thiên**
Cảnh lạ thủ màu khôn xiết kể
Thanh kỳ đệ nhất chốn nam thiên.*

(Trịnh Sâm, bài “Chơi Động Hương Tích”)

(*Kinh bôi : kinh viết trên lá bôi

**Giáo thiên: giáo lý thiên của Phật giáo)

*Đệ nhất Nam thiên ấy cảnh này
Thuyền nan đón khách mái chèo lay
Hai bên quả núi lồng gương suối
Bốn mặt hoa ngàn rủ bóng cây
Cửa Phật lơ thơ tảng đá giải
Chùa Tiên bát ngát khói hương bay
“Nam vô”, tiếng dạy thừa trần tục
Non nước Bồng lai mới thấy đây!*

(Bà Huyện Thanh Quan, bài “Cảnh Chùa Hương”)

*Bày đặt kìa ai khéo khéo phòm
Nứt ra một lỗ hỏm hòm hom
Người quen cỗi Phật chen chân xọc
Kẻ lạ bầu Tiên mới mắt dòm
Giọt nước hữu tình rơi thánh thót
Con thuyền vô trạo cúi lom khom
Lâm tuyền quyến cả phồn hoa lại
Rõ khéo trời già đến đỡ dom.*

(Bà Hồ Xuân Hương, bài “Chơi Chùa Hương”)

Bầu trời cảnh Bụt
Thú Hương Sơn ao ước bấy lâu nay!
Kìa non non, nước nước, mây mây
“Đệ nhất động” hỏi là đây có phải?
Thỏ thẻ rừng mai chim cúng trái
Lững lơ khe Yến cá nghe kinh
Thoảng bên tai một tiếng chày kinh
Khách tang hải giật mình trong giấc mộng!
Này suối Giải Oan, này chùa Cửu Vĩng
Này am Phật Tích, này động Tuyết Kinh
Nhác trông lên, ai khéo vẽ hình
Đá ngũ sắc long lanh như gấm dệt
Thăm thẳm một hang lồng bóng nguyệt
Gập ghềnh mấy lối uốn thang mây
Chừng giang sơn còn đợi ai đây
Hay tạo hóa khéo ra tay xếp đặt
Lần hạt tràng, niệm: Nam-vô Phật
Cửa từ bi công đức biết là bao
Càng trông phong cảnh càng yêu.

(Chu Mạnh Trinh, bài "Cảnh Hương Sơn")

Trời tạc cảnh âm u
Tâm mắt trông tuyết mù
Động Đào, đường khuất nẻo
Đò Yến, khách chèo đưa
Đá dựng hai hàng ngất
Đồng chia một giải sâu
Gió thổi bờ khúc khuỷu
Khe quanh nước lững lờ
Chiếc cò giữa khói đứng

Đàn âu trong sóng đùa
Tươi mềm tóc rêu mọc
Cỗi cần khóm trúc thưa
Gậy chống thơ ngâm thích
Lầu cao bước nhịp mau
Hoa bay nơi lối hẻm
Cây uốn chốn rừng sâu
Núi xô về cửa động
Hè mát như hơi thu ...
Inh ỏi hồi chuông nện
Dịu dàng tiếng mõ khua
Nhạc tiên đâu thường có
Bồng lai đây thấy chưa? ...
Bóng tà chim nháo nhác
Cây um vượn lú lo
Nào nghe bông thụy nở
Chỉ thấy đám mây mờ
Xưa ai đề vịnh đó
Nay còn nét mực tro ...

(Trích bài “Vịnh Hương Sơn” của Bùi Di -
Đào Ngọc Bình dịch)

Hôm nay lại thấy Chùa Hương
Lên đèn đèn Suối màn sương còn đây
Thuyền mơ năm trước đâu đây
Nhớ cô yếm thắm hây hây má hồng
Tiều phu chân núi lưng còng
Xo ro ngư phủ giữa dòng buồm câu
Mây luôn đầy nước qua cầu
Thuyền đi tưởng núi quay đầu trông theo

*Tuyệt vời bức họa ai treo
Đưa hồn du tử bay theo gió ngàn*

(Hằng Phương, bài “Trên Đò Suối”)

Cô lái đò lên tiếng làm quen:

- Ba anh chị mới tới Hương Sơn lần đầu?

- Đúng thế cô ạ! Chúng tôi chỉ biết chùa Hương qua sách vở hay nghe kể lại thôi. Hôm nay chúng tôi mới có dịp đến đây để coi tận mắt cảnh đẹp nổi tiếng của quê hương mình.

Bây giờ tôi mới ngừng lên nhìn kỹ cô lái đò. Cô trạc tuổi Uyên có nước da hơi sạm nâu, khuôn mặt dễ thương, có đôi môi dày tình tứ, lại có má lúm đồng tiền mỗi khi cô cười. Với thân hình khỏe mạnh của một cô gái đồng quê, chứng tỏ cô đã quen thuộc với công việc nặng nhọc đồng áng hay đưa đò này.

Cô kể, những cô gái ở vùng này, ngoài công việc thường ngày là làm ruộng hay trồng dâu, nuôi tằm, dệt tơ. Nhưng vào mùa xuân, các cô làm thêm nghề lái đò đưa đón khách hành hương trên suối Yến.

- Em ghé vào *đền Trình* để ba anh chị vào lễ Thánh nhé.

Tôi vui vẻ trả lời:

- Cảm ơn cô!

- Em đậu thuyền ở đây chờ. Khi nào các anh chị ra, em sẽ đón để đưa các anh chị đi tiếp.

Cô lái đò từ từ tấp thuyền vào bến đền Trình. Bên bờ suối vài cô gái đang giặt quần áo và chiếu.

Mấy cô dùng tay nhìn chúng tôi vẫy tay cười chào. Chúng tôi vẫy tay chào lại.

Tôi xuống thuyền trước đỡ cho Uyên. Thi cứ đứng trên thuyền không chịu xuống. Tôi đưa tay ra đỡ nhưng nàng nhất định từ chối.

Thi cười với cô lái đò:

- Em muốn nhảy lên bờ, được không chị?

Cô lái đò nhìn Thi chỉ mỉm cười không nói. Tôi vội ngăn lại:

- Em đừng nhảy! Ngã đấy!

Tôi chưa kịp ngăn lại, Thi đã nhảy ào lên bờ. Vừa đặt chân tới đất, Thi đã vỗ tay tự khoe:

- Em giỏi chưa!

Chưa đứng vững, Thi bỗng bỏ nhào lao vào người tôi làm tôi loạng choạng tý nữa ngã theo. Với phản ứng tự nhiên tôi ôm chầm lấy Thi đề nàng khỏi ngã sấp xuống đất. Khi hoàn hồn, tôi thấy tình thế trông thật bất tiện, Thi đang nằm gọn trong vòng tay tôi. Tôi vội buông vòng tay ra khi Thi vừa lấy lại được thăng bằng. Mặt Thi đỏ ửng, ấp ửng xin lỗi:

- Em xin lỗi! Em xin lỗi!

Uyên chạy lại chỗ Thi hỏi đùa:

- Hai “cô cậu” làm gì mà tý nữa ngã bổ chông ra với nhau vậy?

- Em vấp phải hòn đá cuội to nên mất thăng bằng. Em xin lỗi! Thi cười gượng nói.

Để đánh trống lảng cho Thi đỡ ngượng, tôi nhìn cô lái đồ nheo mắt nói to:

- Không phải lỗi tại em đâu! Lỗi tại cô lái đồ kia kia!

Với cái nheo mắt của tôi, biết là tôi chỉ nói đùa nên cô lái đồ cũng cười vui vẻ lên tiếng:

- Phải rồi! Lỗi tại em! Lỗi tại em! Thôi, các anh chị vào đền lễ Thánh đi. Em đợi!

Cả ba chúng tôi đi về hướng đền Trình, lên mấy bậc thang gạch rồi vào sân đền. Uyên đi trước, cách chúng tôi đủ xa, Thi lại nói:

- Em xin lỗi anh!

Tôi nhìn Thi rồi ghé vào tai nàng nói nhỏ:

- Em thấy chị Uyên em lên mặt “bà chị” với anh rồi đấy. Chị em dám hỏi hai “cô cậu” làm gì vậy. Em có nghe thấy không? Tôi hỏi đùa Thi.

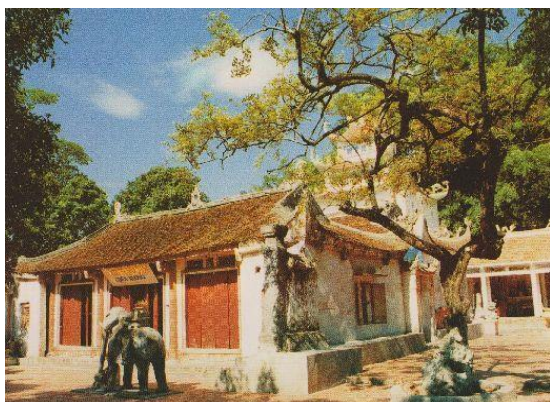
Thi không nói gì mà chỉ ngừng lên nhìn tôi mỉm cười. Vừa đi, Thi vừa tìm bàn tay tôi bóp nhẹ mấy cái thật nhanh như biểu lộ sự đồng tình, rồi nàng buông tay tôi ra ngay. Thi chạy lại với Uyên phụ chị mua vàng nhang và hoa quả để lên chiếc khay đem vào đền lễ Thánh.

Đền Trình, tên tự là “*Ngũ Nhạc linh từ*”, có kiến trúc bề thế như một ngôi đình làng. Trong sân, trước cửa đền có con voi đá đóng yên cương và ghé kiệu trên lưng. Một lư lớn bằng xi măng cũng được đặt ngay giữa sân để đốt vàng hương. Tuy chúng tôi đi

chùa Hương sớm trước ngày mở Hội nhưng thấy du khách đã đổ về đây cũng không phải là ít. Trong đền thờ, khói nhang nghi ngút đèn nghet thờ, có con ngựa gỗ to sơn son và trên bệ thờ có tượng tướng quân thời vua Hùng. Những cây si lâu đời mọc rề chằng chịt với những hình thể uốn lượn rất đẹp, đẹp không thua gì những cây si ở đền Phủ Tây Hồ của thành phố Hà Nội. Ngay sau đền là tòa nhà hai tầng có tháp vươn lên khỏi hàng cây cao trông rất đẹp...

Khách hành hương thường đều đến đền Trình như một sự “trình diện” hay “cáo kiến” với các vị thánh, thần ở đây trước khi vào chùa Hương để mong khi vào chùa cầu xin, họ tin rằng những điều cầu khẩn tốt lành sẽ được có kết quả hơn.

Bên đền Trình có năm ngọn núi gọi là núi Ngũ Nhạc, cho nên đền này còn được gọi là *đền Trình-Ngũ Nhạc*. Gọi như thế cũng để phân biệt với *đền Trình - Phú Yên* nằm trên tuyến đường suối Tuyết. Suối Tuyết sẽ đưa du khách đi thăm khu vực quần thể động Tuyết Sơn và chùa Bảo Đài (trên tuyến đường thứ ba đến chùa Tuyết Sơn).



Ngày xưa, vùng đền Trình-Ngũ Nhạc là khu vực rừng rậm âm u, nhiều cây tre xen lẫn với những cây cổ thụ khác đã tạo điều kiện cho nhiều thú dữ về sinh sống và ẩn nấp ở đây. Ngoài việc có cọp Sa Sa về đây ở, lại còn có chuyện ma quái như ma ở Đường Sáo, hùm thiêng ở đất Trụ, có lăm chọ sói ở đền Đình. Những câu chuyện có vẻ thêu dệt ấy, có thể là sự thật thời xa xưa nhưng cũng có khi chỉ là sự hoang đường. Nhưng ít ra, qua những lời đồn đãi ấy, ta có thể hình dung ra được khu vực này ngày xưa còn rất hoang sơ và ít người dám bén mảng tới.

Sau này, dân làng Yên Vĩ cho phát quang, xây dựng đền thờ thần chúa sơn lâm tức là “ông Cọp” vì cọp là con vật linh thiêng và oai dũng trong tâm thức văn hóa của người Việt Nam kể từ thời kỳ sơ khai còn thờ “vật tổ”. Sau này đền còn thờ một vị tướng quân thời vua Hùng.

Về việc thờ tướng quân thời vua Hùng, theo truyền thuyết và theo “thần phả” của đền kể rằng:

Vào thời vua Hùng, có một người dòng dõi nhà vua tên là Hùng An cùng vợ sống ở nơi này. Ngày ngày hai vợ chồng vào rừng kiếm củi, hái cây quả làm kế sinh nhai. Một hôm người vợ bị cọp bắt cống đi. Người chồng đi khắp khu rừng tìm kiếm. Một hôm nghe thấy tiếng vợ mình, nhìn lại chỉ thấy con hổ cái biết nói tiếng người. Cọp cái nói : “Nhân duyên của chàng và thiếp chỉ có thể thôi. Thiếp xin để lại cho chàng một đứa con”. Hùng An mang bọc trứng về, vỏ rất cứng. Mười bốn tháng sau, bọc

trứng nở ra. Một đứa bé khaú khinh ra đời, được đặt tên là Hùng Lang. Hùng Lang khi lớn lên rất giỏi võ nghệ. Khi quân Ân sang xâm chiếm nước ta, Hùng Lang được thần nhân trao cho một cây kiếm báu. Hùng Lang theo Thánh Gióng Phù Đổng đi đánh giặc Ân. Đánh giặc xong, Hùng Lang về lại quê cũ là làng Yển Vĩ sống và chết ở đây, được dân làng tôn vinh thành phúc Thần của làng.

Đến đời vua Lê Anh Tông niên hiệu Hồng Phúc thứ nhất năm Nhâm Thân (1572) Lễ bộ triều đình mới soạn thần phả cho đền và sắc phong.

Sau này, những dân đi làm gỗ trên rừng ở Hương Sơn thường vào “trình diện” với Sơn thần ở đây trước khi đi. Do đó đền này được gọi là đền Trình. Và, từ đó, cứ theo tục lệ này, khách hành hương tới Hương Sơn thường đều ghé vào đền Trình như để “cáo kiến” với các vị Sơn Thần trước khi vào đất Phật chùa Hương.

Sau khi Uyên và Thi vào đền thắp hương trở ra, cả ba chúng tôi cùng lên thuyền để tiếp tục cuộc hành trình.

Thuyền càng vào sâu, cảnh vật càng đẹp và nên thơ. Có những áng mây trắng vương trên đỉnh núi. Bóng núi và mây in trên mặt nước, đôi khi làm ta cứ lầm tưởng như trên mặt suối đương phủ một lớp sương mù bay bay. Tiếng nước vỗ mạn thuyền nghe thật êm ả làm sao. Thi ngồi bên tôi, đưa bàn tay xuống suối cho dòng nước cuốn lên cổ tay. Nàng

vốc nước lên rồi đổ lại xuống suối, những hạt nước lóng lánh như thủy tinh. Uyên cứ mãi mê với cảnh vật xung quanh, thỉnh thoảng lại thảng thốt kêu lên: “Ô kìa! Cảnh đẹp quá! Đẹp quá!”.

Tôi muốn mượn vài lời của thi nhân để hòa lòng mình cùng với thiên nhiên. Tôi không thể không chia sẻ những cảm xúc ấy với Uyên và Thi.

*Lần khe Yển Vĩ đi vòng
Bốn bề bát ngát xa trông lạ dường
Giữa dòng đầy nước lồng gương
Mượn chèo ngư phủ đưa đường Đào
nguyên
Lạ cho vừa bén mầu thiên
Mà trăm nảo với nghìn phiền sạch không
Bầu trời man mát xa trông
Biết đâu nước Nhược non Bồng là đâu?
Cỏ cây xanh ngát một màu
Yển thân vạn tuế, lên lầu Ngũ doanh
Nhác trông sơn thủy hữu tình
Bút thần khôn vẽ bức tranh nào bằng
Chung quanh những núi cùng rừng
Đồng Ông một dải ngang lưng non Bà
Núi Xôi, núi Oản, núi Gà
Núi con Voi phục bày ra nên cầu.*

(Trích “Hương Tích Hành Trình” của Chu Mạnh Trinh)

Có lẽ cô lái đò nghe thấy trong bài thơ của cụ Chu Mạnh Trinh tôi vừa đọc có nhắc đến tên mấy

quả núi chung quanh nên cô xin góp lời chỉ cho chúng tôi biết thêm về tên của những quả núi xa xa và những hang động khu vực đền Trình mà thuyền sắp sửa đi qua.

- Các anh chị xem kia! ⁽¹⁾[*Ta nhìn sang bên tay trái đền Trình*, kia là núi Đụn, cao cao và nẩy tròn như đụn thóc. Núi Đụn còn là đuôi của một con rồng của dãy núi Hàm Rồng. Gần núi Đụn là núi Soi, giống như con kỳ lân nên còn được gọi là núi Lân. Gần núi Soi là núi Ái, giống con rùa nên còn được gọi là núi Quy. Gần núi Ái là núi Phượng, chỗ đầu và mỏ là chùa Thanh Sơn, hai cánh giang ra là hai chòm núi. Quá chút nữa là đến núi Đôi Chèo. Đò ra, đò vào đến quăng này các cô lái đò đổi tay chèo cho nhau đỡ mỏi. Núi Đôi Chèo giống như con trăn lớn đang bò trên mặt nước. Gần núi Đôi Chèo là núi Bung. Gần núi Bung là núi Voi. Về núi Voi có truyện kể rằng:

Hương Sơn có một trăm ngọn núi, chín mươi chín (99) ngọn nghiêng về phía động Hương Tích để tỏ lòng ngưỡng mộ. Đúng như câu thơ:

Núi xô về cửa động

Chỉ riêng có một con Voi bướng bỉnh và vô lễ quay đầu ra, quay mông vào phía cửa động. Ông Hộ pháp giận quá, lấy gươm phạt một mảng mông của

(1) Những đoạn trong dấu ngoặc [] được trích nguyên văn từ cuốn “Thắng Cảnh Hương Sơn” của tác giả Trần Lê Văn.

tên voi này. Bây giờ tên voi hồn vẫn mất một mảng mộng].

Thì lên tiếng hỏi tôi:

- Ở đâu ra mà có tới một trăm ngọn núi để có chín mươi chín ngọn quay đầu về một hướng?

Tôi trả lời:

- Theo ý anh thì đây chỉ là truyền thuyết trong dân gian. Những con số “một trăm” hay “chín mươi chín” chẳng qua chỉ là những con số tượng trưng để chỉ số lượng nhiều mà thôi. Nếu em đi thăm đền Hùng thờ Đức Tổ Hùng Vương ta cũng nghe thấy một truyền thuyết tương tự. Những câu chuyện này mang tính cách thần bí để trân trọng những di tích lịch sử hay những thắng cảnh đặc biệt mang sắc thái tôn giáo như ở Hương Sơn đây.

Cô lái đồ đợi chúng tôi nói xong, cô tiếp:

- Các anh chị nhìn về *phía tay phải đền Trình*. Em bắt đầu kể từ núi Ngũ Nhạc nơi đền Trình đi vào. ⁽¹⁾[Gần núi Ngũ Nhạc có núi Dẹo⁽²⁾ vì nó đứng xiêu vẹo như người say rượu. Gần núi Dẹo là núi Phòng Sur có một tảng đá chia đều thành nhiều khoảng cách đều nhau như phòng các ông sư. Trên núi Phòng Sur trước kia có chùa Đống Lúa. Quá núi Phòng Sur không xa là hang Sơn Thủy Hữu Tình. Hang này có khắc trên vách cửa hang bốn chữ “Sơn thủy hữu tình”. Thuyền có thể bơi luôn từ trong

(2) Núi Vẹo : dân địa phương nói âm “v” thành “d.”

hang sang qua bên kia núi như hang Luồn ở vịnh Hạ Long hay ở Tam Cốc thuộc tỉnh Ninh Bình vậy. Trẻ chăn trâu ở Hội Xá thường đưa trâu qua lại nên hang này còn có tên là Hang Trâu.

Hang Trâu ở khoảng giữa mấy quả núi Hai Mèo Đuôi Chuột. Ngang Hang Trâu là cầu Hội. Gần cầu Hội là núi Thông Dâu. “Thông Dâu” cũng là tên thung trồng dâu nuôi tằm. Gần núi Thông Dâu là Hang Bà. Về Hang Bà có một truyền thuyết. Truyện kể rằng:

Xưa có người đàn bà góa trẻ, đẹp, nhà nghèo, không đi bước nữa, ở vậy nuôi mẹ chồng. Ngày chở đồ qua sông nhiều lần kiếm củ mài, rau sắng, bó củi, gánh mớ. Ngày nước lũ, nước to sóng dữ, người đàn bà bị đắm thuyền, chết đuối. Thương tiếc cho một người dâu hiền, vợ thảo mà cuộc đời lại bị kết thúc một cách bi thảm như vậy, người ta đặt tên hang ấy là Hang Bà.

Hang Bà đối diện với Đồng Ông ở bên kia suối nên cụ Chu Mạnh Trinh mới có câu thơ:

Đồng Ông một giải ngang lưng non Bà.

Hang Bà còn gọi là hang Dụng Mát (Vụng Mát-cái vụng nước mát), Vụng Mát lúc nào cũng đầy nước, lăm cá. Thảng tư cá vào đặc trong hang, bầm dân chài lưới.]

Đợi khi cô lái đò vừa dứt tiếng. Tôi đọc cho mọi người nghe một đoạn thơ:

*Ba khúc quay chèo dọc trở ngang
Hang Trâu thuyền đã vượt qua hang
Cầu luôn nước chảy qua cầu vắng
Hoa cỏ đều hiu gọi mối thương.*

(Trích bài “Mười Khúc Vịnh Hương Sơn”
của Cao Bá Quát, Đào Văn Bình dịch – Đây là
khúc thứ ba trong mười khúc).

Chẳng
mấy chốc
chúng tôi
thấy một
chiếc cầu bắc
ngang qua
suối Yến. Cô
lái đò chỉ cho
chúng tôi:



- Đó là cầu Hội.

Cầu Hội có dáng “hình thang” thật đơn giản, cao
và thông thoáng. Chỉ là chiếc cầu gỗ mảnh khảnh
nên nó lại phù hợp, hài hòa với sự êm đềm lặng động
của cảnh vật
chung quanh.
Vì cầu Hội
cao và thông
thoáng nên
thuyền qua lại
ngược xuôi
dưới gầm cầu



được dễ dàng. Dưới gầm cầu, bóng núi và mây vẫn lung linh, trôi chảy theo dòng suối mà không bị vướng mắt hay cắt ngang hoặc che lấp.

*Mây luôn đẩy nước qua cầu
Thuyền đi tưởng núi quay đầu trông theo.*

(Trích bài “Trên Đò Suối” của Hằng
Phương)

Khu cầu Hội có những cây gạo rất to và đẹp. Tới mùa hè, hoa gạo nở, có người ví trông chúng như những đóm lửa đỏ, và chim chóc từng đàn bay về ríu rít trên cành những cây hoa gạo này.

Tại *khu vực cầu Hội*, cô lái đò cho biết thêm.



Chùa Thanh Sơn



Động Hương Đài

* Từ phía chân cầu bên trái của cầu Hội có con đường dẫn đến *chùa Thanh Sơn*. Bên cạnh chùa có một hang động khá sâu với nhiều thạch nhũ có hình thù người, thú, hoa quả rất đẹp. Khi ta gõ vào nhũ đá ta sẽ có những âm thanh như tiếng chuông, tiếng khánh.

Nếu tiếp tục leo một đoạn đường núi, qua một đoạn xuống đường đồng bằng rồi lại leo thêm một đoạn đường núi nữa người ta sẽ tới *chùa Hương Đài*. *Động Hương Đài* nằm bên sườn núi kề bên *động Tiểu Nhi*. *Động Hương Đài* còn gọi là *hang Luộc*. Tuy động không lớn nhưng cảnh vật bên trong có thể làm mê mẩn lòng người vì có nhiều thanh đá đẹp, có người gọi chúng là “những cây đàn đá” vì chỉ cần gõ nhẹ lên chúng cũng tạo nên những âm thanh của một bản nhạc thần bí.

* Từ phía chân cầu bên phải của cầu Hội có *hang Sơn Thủy Hữu Tình* và còn có con đường đi vào *làng Hội Xá*.

Tôi nhớ làng Hội Xá là quê vợ của thi sĩ Tản Đà. Nói đến nhà thơ Tản Đà với chùa Hương, tôi không thể không nhắc tới bài thơ của cụ:

*Chùa Hương, trời điểm lại trời tô
Một bức tranh tình trải mấy thu
Xuân lại xuân đi không dấu vết
Ai về, ai nhớ vẫn thơm tho...*

(Trích bài “Chùa Hương” của Tản Đà)

Và nếu nhắc tới nhà thơ Tản Đà, tôi cũng không thể không nhớ thêm về giai thoại “*rau sống chùa Hương*” khá lý thú của cụ:

*Muốn ăn rau sống chùa Hương
Tiền đồ ngại tốn, con đường ngại xa
Mình đi, ta ở lại nhà
Cái dưa thì khú, cái cà thì thâm.*

Bài thơ được đăng trên báo. Ít lâu sau, vào khoảng tháng 3 năm 1922, thi sĩ Tản Đà nhận được một gói quà gửi từ Phủ Lý ra Hà Nội, mở ra thấy có một mớ rau sắng kèm theo một bài thơ dưới có đề “Đỗ tang nữ bá tửng”:

*Kính dâng rau sắng chùa Hương
Tiền đồ đỡ tốn, con đường đỡ xa
Không đi thì gởi lại nhà
Thay cho dưa khú cùng là cà thơm.*

Cụ Tản Đà cảm tạ “Đỗ tang nữ” bằng bài thơ sau, trong “truyện thế gian”:

Mấy lời cảm tạ tri âm
 Đồng bang là nghĩa, đồng tâm là tình
 Đường xa rau vẫn còn xanh
 Tấm lòng thơm thảo, bát canh ngọt ngào
 Yêu nhau xa cách càng yêu
 Dẫu rằng sông nhạt, càng nhiều chứa
 chan
 Nước non khuấy nẻo ngư nhân
 Tại lòng, xin mượn “Thế gian” đưa tình.

Rau sắng Hương Sơn là loại rau rừng. Chúng mọc trên núi đá vôi. Rau sắng mọc vào mùa xuân, từ tháng Giêng cho tới tháng Tư. Nó cùng họ với rau ngót, lá giống rau ngót nhưng màu xanh mượt hơn và nhọn hơn, nhất là lá non. Có nơi gọi nó là rau “ngót rừng”.

Rau sắng không phải chỉ có ở Hương Sơn mà còn có ở những vùng núi đá vôi ở Hà Nam, Hòa

Bình, Phú Thọ và Lạng Sơn. Nó cũng có tên khác nhau như lai cam (người Dao), tắc sắng (người Mường), pắc van (người Tày, Thái).

Rau sắng hiếm quý vì tìm được ít và lá non chỉ có nhiều vào mùa xuân nên đắt. Vì hiếm nên ai đi trẩy hội chùa Hương cũng cố mua về một ít để thưởng thức hay làm quà.



Rau sắng

Người ta có nghĩ tới việc sản xuất rau sắng, nhưng nó không ngon và ngọt như rau sắng rừng mọc trên núi. Rau sắng lại không chịu phân hữu cơ vì nó sẽ chết. Người ta gọi rau sắng là loại “rau sạch” hay “rau thanh tịnh.”

Kể cả người bán lẫn người mua đều phải “nâng niu” nó vì nó dễ bị dập héo, ăn mất ngon. Những ai sành điệu ăn rau sắng, người ta không nấu canh sắng với thịt, chỉ luộc nó với tý muối. Ăn như thế mới thưởng thức được cái thơm, cái ngọt mát nguyên chất của rau sắng. Có người còn đòi hỏi loại sắng “rồng rồng”, tức là rau sắng có chồi hoa non, lấm tấm như hoa ngâu để bát canh thêm đẹp, có cả lá lẫn hoa.

Chẳng mấy chốc, chúng tôi đã vừa đi qua gầm cầu Hội. Cô lái đò lại tiếp tục giải thích thêm cho chúng tôi về cảnh vật ở đây:

- Các anh chị tiếp tục theo dõi những dãy núi bên tay phải cầu Hội nhé. Lúc nãy em nói đến Hang Bà hay còn gọi là Hang Trâu ở khu vực đền Trình rồi phải không? Nay em nói tiếp về những dãy núi tiếp tới. ⁽³⁾*[Qua Hang Bà đến núi Ba Đài. Núi gồm ba quả núi nhỏ đứng bằng nhau như đực khôn, giống như ba đài rượu để trên bàn thờ. Gần đây là núi Con Gà rồi đến núi Dải Cờ, còn gọi là núi Chéo Cờ vì trông giống lá cờ đuôi nheo hình cheo chéo. Núi Cờ trông sang núi Lọng, tức gần đối diện với bến Trờ có chùa Thiên Trù. Chỗ cuối cùng đường suối Yến là Rừng Vài và núi Nhà Lang Lão Tác]*⁽³⁾

Khi cô lái đò vừa dứt nói, tôi liền hỏi:

- Hàng ngày cô lái thuyền trên suối, với cảnh đẹp như thế này chắc cô thích lắm nhỉ?

- Vâng, có những hôm mây xuống thật thấp, mây trắng là là trên sườn núi. Trên mặt suối cũng có mây. Những hôm như thế thì đẹp lắm. Em cứ tưởng như em đang ở trên trời hay trên tiên cảnh. Có hôm sương mù, mọi cảnh vật như ẩn như hiện. Tuy lúc đó trời đất âm u, ảm đạm nhưng lòng mình cứ lâng lâng thanh tịnh thoát tục. Có những hôm trăng sáng,

⁽³⁾ Những đoạn trong dấu ngoặc [] được trích nguyên văn từ cuốn “Thắng Cảnh Hương Sơn” của tác giả Trần Lê Văn.

nước và ánh trăng như quyện vào nhau. Cảnh đêm yên tĩnh, em chỉ còn nghe thấy tiếng mái chèo khua nước, thỉnh thoảng lại nghe tiếng chuông chùa thánh thót vang ra. Nhìn lên trời thì sao sáng đầy trời. Em chỉ tiếc là em không được đi học nhiều nên không biết làm thơ như các anh các chị ở tỉnh thành.

- Cô đang làm thơ đấy! Tôi nói với cô lái đò. Rồi tôi hỏi tiếp:

- Thế cô chèo đò trên suối có thường gặp những chuyện vui buồn gì không?

- Chuyện buồn thì ít thôi. Em chỉ chèo thuyền cho khách hành hương thưởng ngoạn cảnh đẹp của Hương Sơn. Với lòng người lúc đó mở rộng theo đức Phật nên cũng chẳng ai muốn làm buồn lòng ai. Chỉ có những hôm nào, em không được khoe người thì chèo thuyền cũng thấy uể oải lắm.

Chúng em chỉ được làm công việc chèo thuyền nhàn hạ này trong mấy tháng mùa xuân thôi. Khi hội chùa Hương chấm dứt, số đông chúng em lại trở về nghề làm ruộng, trồng dâu, nuôi tằm hay lên rừng kiếm củi, hái mớ. Cũng vất vả lắm. Chiều tối, có khi em phải làm thuê, nhận “kén” về, lược, rồi “đánh kén” thành “chỉ tơ” (chỉ tơ dệt vải) tới khuya mới được đi ngủ.

Chuyện vui thì có nhiều, vui nhất là những hôm có mấy anh ở Hà Nội về chùa Hương, ngồi trên thuyền nhìn em, cứ khen em đẹp. Có anh còn làm thơ tặng em nữa. Những hôm như thế, đêm về em

nằm cứ trần trọc mãi không làm sao ngủ được vì vui.

Thấy cô lái đồ thật thà, cả ba chúng tôi cứ tùm tùm cười một cách kín đáo.

Tôi chỉ vào Uyên và Thi giới thiệu cho cô lái đồ:

- Đề tôi giới thiệu với cô, đây là hai người em gái của tôi. Cô này tên Uyên, còn cô này tên Thi. Uyên là chị của Thi.

- Em biết tên hai chị rồi vì em thấy anh gọi tên hai chị ấy. Nhưng hai chị đây không phải là em gái của anh. Chắc hai chị đây phải là những người bạn rất thân của anh.

Chúng tôi tròn tròn mắt nhìn cô. Tôi hỏi ngay:

- Sao cô biết?

- Em biết vì em thấy anh chăm sóc chu đáo cho hai chị. Nếu hai chị là em gái của anh, thì ngược lại, hai chị đã phải săn sóc cho anh rồi.

Nghe xong câu nói đó của cô lái đồ, cả ba chúng tôi đều cười ồ.

- Cô nói đúng rồi! Chúng tôi là bạn thân của nhau, lại cùng ở một làng với nhau ở Sơn Tây. Thân nhau từ nhỏ.

- Em cũng xin cổ tin lời anh như vậy! Cô mỉm cười hóm hỉnh.

Cô lái đồ lấy chiếc nón lá xuống, quạt quạt vài cái cho mát rồi lại đội vào ngay. Tôi chợt bắt gặp

đôi mắt hơi xéch thật đẹp và đa tình của cô mỗi khi cô cười.

Uyên chợt hỏi cô lái đò:

- Thế chị tên gì?

- Em tên Hương, thằng em trai em tên Sơn. Cả hai chị em chúng em không được sinh ra ở Hương Sơn này, nhưng khi chuyển về đây ở, bố mẹ em đổi tên cho chúng em như thế. Năm nay em 18 tuổi, thằng em 14. Ở nhà mọi người quen gọi em là Mơ vì em hay vào rừng hái mơ về làm rượu mơ hay mang ra chợ bán. Trong xóm em, mọi người chỉ còn biết gọi tên em là Mơ thôi. Mấy anh trai làng cứ trêu em đẹp như quả mơ chín, (cô chép miệng tùm tùm cười, nói tiếp) mà quả mơ chín quá thì da nó nhăn nheo, xấu lắm.

Uyên hỏi tiếp:

- Chị bằng tuổi em. Chị muốn chúng em gọi chị là Hương hay Mơ?

- Các anh chị cứ gọi em là Mơ cho thân.

Uyên nhìn Mơ tùm tùm cười. Uyên nói tiếp:

- Em đọc tặng chị bài thơ này nhé.

Mắt Mơ sáng hẳn lên, ngừng tay chèo hỏi Uyên rồi rít:

- Thật không chị? Chị đọc cho em nghe đi!

Uyên đọc:

*Thăm thăm đường chiều một khách thơ
Say nhìn xa rặng núi xanh lơ
Khí trời lạnh lẽo và trong treo
Thấp thoáng rừng mơ cô hái mơ.*

*Hỡi cô con gái hái mơ già!
Cô chữa về ư? Đường còn xa
Mà ánh trời hôm dần một tắt
Hay cô ở lại về cùng ta?*

*Nhà ta ở dưới gốc cây dương
Cách động Hương Sơn nửa dặm đường
Có suối nước trong tuôn róc rách
Có hoa bên suối ngát đưa hương. . .*

*Cô hái mơ ơi!
Chẳng trả lời nhau đến một lời
Cứ lặng rồi đi rồi khuất bóng
Rừng mơ hiu hắt lá mơ rơi.*

(Nguyễn Bính, bài “Cô Hái Mơ”)

Uyên vừa đọc xong, Mơ vỗ tay khen:

- Chị làm thơ hay quá! Chị chép cho em nhé!

Uyên vội khua tay:

- Bài thơ này không phải của em làm. Em đoán là của ông hàng xóm nhà chị đấy vì ông ấy ở cách Hương Sơn có nửa dặm đường và lại có suối nước trong nữa.

- Không phải đâu! Trong xóm nhà em chỉ có mỗi một mình em biết chữ. Thế, tên ông ấy là gì hả chị?

- Nhà thơ Nguyễn Bính.
- Nguyễn Bính!Ồ, em biết rồi!
- Chị quen với ông ta hả? Uyên giật mình hỏi.

- Không! Hôm trước có một anh khách đi đồ chép tặng em bài thơ “*Cô lái đò*”, nói là bài thơ ấy của nhà thơ Nguyễn Bính. Anh ấy, trước khi lên bờ còn cười dặn em là em đừng đi lấy chồng vì nếu em đi lấy chồng sẽ làm buồn cho những khách sang sông, rồi còn đọc đoạn thơ này cho em nghe và em đã học thuộc:

*Bỏ thuyền, bỏ lái, bỏ dòng trong
Cô lái đò kia đi lấy chồng.
Vắng bóng cô em từ dạo ấy
Để buồn cho những khách sang sông.*

(Trích bài “*Cô Lái Đò*” của Nguyễn Bính)

Uyên phì cười:

- Chị Mơ đừng tin lời nói của những ông thi sĩ nhé. Ông Nguyễn Bính không những yêu cô hái mơ, yêu cô lái đò, yêu cô nuôi tằm, yêu cô dệt tơ, yêu cô hàng xóm, yêu cả cô Mán trên rừng nữa đấy. Em đọc tiếp cho chị nghe vài đoạn thơ của ông ấy nhé!

- Nào với cô chăn tằm này:

*Ngày xưa dệt cửi chăn tằm
Em còn bé lắm mười lăm tuổi đầu.*

(Trích bài “*Làm Dâu*”)

*Cành dâu cao, lá dâu cao
Lênh đênh bóng bướm trôi vào mắt em...*

*Cành dâu xanh lá dâu xanh
Một mình em hái, một mình em thương.*

(Trích bài “Bóng Bướm”)

- Nào với cô quay tơ này:

*Em cứ yêu đời đi
Yêu đời như thuở nhỏ
Rồi để anh làm thơ
Và để em dệt lụa.*

*Lụa dệt xong may áo
Áo anh và áo em.
May áo nếu thiếu lụa
Xe tơ em dệt thêm...*

(Trích bài “Thoi Tơ”)

- Nào với cô hàng xóm này:

*Cái ngày cô chưa có chồng
Đường gần tôi cứ đi vòng cho xa
Lối này lắm bụi nhiều hoa
(Đi vòng để được qua nhà đó thôi).*

(Trích bài “Qua Nhà”)

*Nhà nàng ở cạnh nhà tôi
Cách nhau cái dậu mừng toi xanh rờn
Hai người sống giữa cô đơn
Hình như nàng có nỗi buồn giống tôi...*
*Hôm nay mưa đã tạnh rồi
Tơ không hong nữa, bướm lười không sang*

*Bên hiên vẫn vắng bóng nàng
Rung rung tôi gục xuống bàn ... rung rung...*

(Trích bài “Người Hàng Xóm”)

- Nào với cả cô Mán trên rừng nữa đây:

*Xanh cây, xanh cỏ, xanh đồi
Xanh rừng, xanh núi, da giời cũng xanh
Áo chàm cô Mán thanh thanh
Mắt xanh biêng biếc một mình tương tư.*

*Cỏ đồi ai nhuộm mà xanh?
Áo em ai nhuộm mà anh thấy chàm?
Da giời ai nhuộm mà lam?
Tình ta ai nhuộm ai làm cho phai?*

(Trích bài “Vài Nét Rừng”)

- Chị Mơ thấy ghê chưa? Chị đừng tin mấy ông thi sĩ nữa nhé!

Mơ đứng nhìn trời không nói gì, cứ tiếp tục chèo thuyền.

Chúng tôi đi thuyền trên suối Yến, vừa được ngắm cảnh đẹp vừa được ngồi bên nhau lại vừa được trò chuyện với cô lái đò dễ mến một cách chân tình đến thích thú. Một kỷ niệm thật khó quên.

Chẳng bao lâu, *bến đò Trò* đã hiện ra với chỉ lẻ tẻ dăm ba chiếc thuyền chở khách, cái đi vào cái trở ra. Được biết, vào ngày hội chùa Hương nơi bến đò này đông nghẹt những thuyền và người vào ra tấp

nập. Hội chùa Hương kéo dài từ mùng 6 tháng Giêng tới cuối tháng Ba âm lịch.

*Thuyền ghé khua bờ đá
Chim mừng, rừng véo von
Suối đến đây dừng lại
Tiễn khách trèo lên non.*

(Trích bài Đi Chùa Hương của Phạm Hồ)

Cô lái đò tấp vào bến, tìm nơi tốt để chúng tôi có thể dễ xuống thuyền. Thi nhìn chúng tôi, lên tiếng hỏi nhỏ:

- Hay chúng ta mời chị Mơ cùng đi chơi chung cho vui?

Chúng tôi đồng ý ngay. Khi chúng tôi ngỏ lời đề nghị ấy với Mơ, cô vui vẻ nhận lời.

- Các anh chị cứ lên chùa đợi em. Em đi cột thuyền.

Bến đò Trò hay còn gọi là *bến đò Thiên Trù*. Dãy thuyền nằm san sát im lìm chờ khách ngay dưới chân núi Mâm Xôi, có cây cổ thụ. Không xa đó, vài ba quán ăn và quán bán đèn nhang, với vài ba hàng bán quà kỷ niệm cho khách thập phương đi lễ chùa.

Từ bến đò, chúng tôi từ từ leo lên giốc một quãng rồi đứng đợi Mơ để cùng đi. Chẳng mấy chốc chúng tôi thấy cô Mơ, đầu đội nón lá, lúp xúp chạy từ bến đò chạy lên. Bây giờ tôi mới nhận ra Mơ mặc váy vải xồi, loại vải đen rẻ tiền, chiếc áo cánh màu nâu khoác ngoài, chỉ cài có hai cái nút áo nơi bụng.

Áo cùng màu với chiếc yếm trước ngực, đuôi yếm thả lỏng che xuống tới quá bụng. Chân cô đi đất nên bước chạy của cô cứ thoăn thoắt. Chiếc váy kêu xoàn xoạt theo những bước chân vội vã của cô.

Thi vội nói vọng:

- Chị Mơ đừng chạy cho mệt, chúng em đợi mà!

Khi Mơ chạy tới nơi:

- Em chạy quen rồi, đâu có mệt gì. Em chỉ sợ đường vào “*chùa Trong*” (động Hương Tích) các anh chị không quen leo đường núi sẽ mệt thôi.

Cả bốn chúng tôi cùng song bước lên *chùa Thiên Trù*, tức “*chùa Ngoài*” gần ngay đó. Đi hết thêm một dốc nhỏ, chúng tôi tới cổng ngoài của chùa. Cổng chùa là một kiến trúc cổ thuần túy Việt Nam và rất đẹp. Cổng được xây theo kiểu năm cửa uốn cong hình bán nguyệt, hai tầng, tầng trên nhiều lầu nhỏ và có nhiều mái. Phía trên cửa giữa có hàng đại tự “*Nam Thiên Môn*” (cửa trời Nam).



*Cổng chùa Thiên Trù
"Nam Thiên Môn"*

Từ ngoài xa nhìn vào chùa, ta thấy chùa được xây trên một khoảng đất rộng, phẳng, có núi vây

chung quanh: trước mặt là núi, hai bên là núi, phía sau cũng là núi. Những quả núi gần chùa không cao lắm, lại cao đều nhau, không xa, cũng không chen nhau nên trông rất hài hoà. Chùa có cái thông thoáng không bị gò bó bởi hình ảnh nặng nề của núi.



Nhà bia bên Trờ

Tôi hỏi Mơ:

- Cô có biết tên những quả núi quanh chùa này không?

- Hai quả núi có tên là Phụ Mã ở hai bên trái và phải

của chùa, núi Sau Chùa ở phía sau của chùa. Ba quả núi này được ví như ba ông “đầu rau” của bếp Thiên Trù. Nhìn rộng ra xa thêm, những núi đứng sau hai quả núi Phụ Mã, bên phải mang tên Tiên Sơn, bên trái mang tên Thung Mang. Bên cạnh núi Sau Chùa là núi Ông Chây. Nếu ta nhìn về chùa Hình Bồng (cô vừa nói vừa chỉ tay về phía núi Hình Bồng xa xa) là núi Lão. Sau núi Lão là núi Cỏ Bồng.

*Núi bắc “đầu rau” mấy vạn niên
Mà màn biếc thắm đẹp thiên nhiên?
Thiên Trù một khoảng êm phơi phơi,
Núi gắm nhau xanh một sắc hiên.*

(Trích bài “Thăm Cảnh Chùa Hương” của
Xuân Diệu)

Thi chợt hỏi:

- Chị Mơ ơi. Sao chị lại nói ba ngọn núi kia là ba ông “đầu rau” của bếp Thiên Trù.

- Em nghe các cụ gọi chùa Thiên Trù này là “Bếp Trời” vì các cụ tin rằng khu đất chùa này, theo phong thủy, tương ứng với chòm sao Thiên Trù ở trên trời. Chòm sao Thiên Trù lại tượng trưng cho cái bếp, cho sự ăn uống và biến động thăng trầm. Bếp thì có ba ông “đầu rau” để kê nồi.

Thi nắm tay Mơ khẩn khoản nói:

- Em ít tuổi hơn chị, chị cứ gọi em là em hay Thi, chị đừng xưng em với em nữa nhé!

- Em là dân quê mùa, đầu dám xưng hô thế!

Tôi mỉm cười, lên tiếng như ra lệnh:

- Thôi, cô cứ gọi Thi là em xưng chị cho tiện, chúng ta cứ coi nhau như người nhà mà. Có cô cùng đi chơi chung, chúng tôi vui lắm. Và cũng tiện đây, tôi xin ngõ lời cảm ơn cô Mơ nhiều.

Mơ chớp chớp đôi mắt nhìn Thi tỏ vẻ rất cảm động trước lời đề nghị của Thi và lời nói của tôi. Uyên chỉ mỉm cười kín đáo.

Chùa có nhiều cây hoa gạo cổ thụ và có hai hàng cây hoa đại (cây bông sứ) trước cổng vào. Uyên say sưa nhìn ngắm những cây hoa gạo vươn cao.

Mơ tiến lại gần Uyên:

- Nếu chị đến thăm chùa vào giữa tháng hai ta, tức giữa hội chùa Hương thì chị sẽ thấy hoa gạo đỏ rực treo lơ lửng trên cành, có người ví nó trông giống như những đốm lửa nhỏ hiện trên trời xanh. Đẹp lắm! Vào cuối tháng ba, hoa gạo rụng thì tới lượt hoa đại nở rộ. Hoa đại nở vừa đẹp lại vừa thơm.

Uyên nói với Mơ:

- Em thích hoa đại lắm, cánh hoa phía ngoài màu trắng ngà, phía bên trong điểm vàng đậm hay đỏ hồng. Có loại hoa đại màu đỏ nhưng em thích loại màu trắng. Nhờ mùi thơm của hoa đại, mẹ em dùng nó để ướp trà. Hồi còn nhỏ, em đi học ở trường làng, tới mùa hoa đại em thường hay dắt hoa đại ở bên vành tai. Bọn con trai cùng lớp cứ trêu em là “con gái hay làm đom”. Có những đứa trêu chọc em quá đáng, em tức quá xông vào đánh chúng nó làm chúng chạy tán loạn. Đánh chúng rồi, em còn vào mách thầy giáo cho chúng bị phạt quỳ nữa.

Uyên vừa kể vừa khua chân múa tay như đang đánh nhau thật. Mơ nghe câu chuyện Uyên kể cứ ôm bụng cười đến gập cả người xuống, làm chúng tôi cũng phải cười theo với cái cười rất hồn nhiên ấy của Mơ.

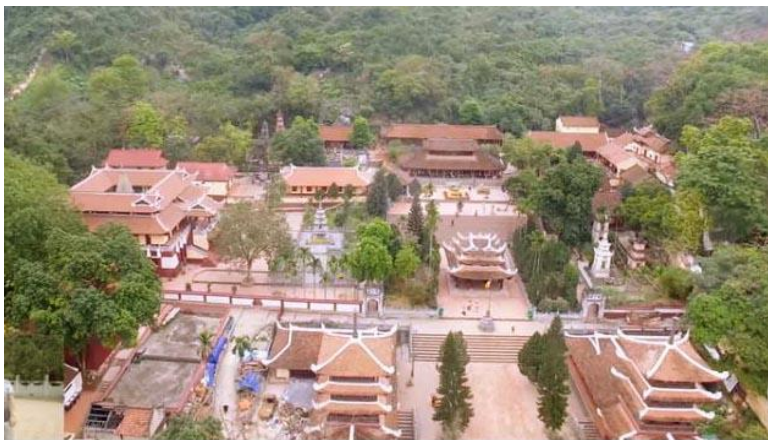
*Tháng ba, hoa gạo đỏ rùng xanh,
Rặng đại trang nghiêm cổ kính nghiêng
cành.*

(Trích bài “Trẩy Hội Chùa Hương” của
Xuân Hoàng)

Chúng tôi đi qua cổng là vào tới sân thứ nhất của chùa. Một không gian thoáng rộng được mở ra.



Hình 1: Chùa Thiên Trù, từ trong chùa nhìn ra cổng với sân thứ nhất. Nhà và tháp lớn hai bên sân mới được tân trang, xây dựng thêm gần đây.



Hình 2: Quần thể chùa Thiên Trù (mới) nhìn từ cổng chùa vào nhà Tam Bảo theo đường thẳng. Kiến trúc chính cổ xưa còn giữ tới ngày nay, gồm sân thứ nhất, tới bậc thang thứ nhất, lên sân thứ hai có gác chuông, lên bậc thang thứ

hai, tới sân thứ ba là sân chùa ngay nhà Tam Bảo có cặp sư tử châu, sau nhà Tam Bảo là nhà Tổ. Sân sau chùa có khu tháp cổ của các vị sư tổ trụ trì và tháp thờ Phật Bà.

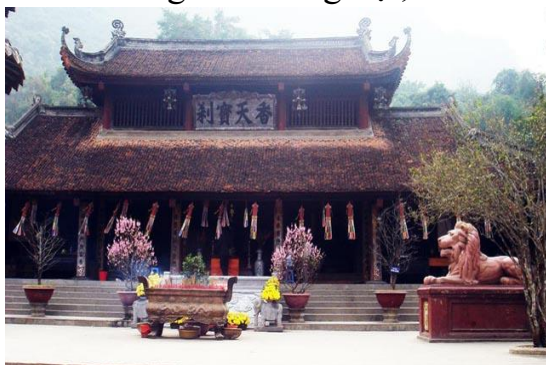
Chùa được xây trên mảnh đất hình chữ nhật có chiều dài rất sâu theo kiểu “ngũ môn, tam cấp” (năm cửa, ba tầng bậc). Hai bên sân chùa là những gian nhà bán hàng cơm hay hàng bán quà kỷ niệm.

Qua sân thứ nhất là tới bậc thềm thứ nhất, có độ hơn chục bậc bước lên cao, tới sân cấp thứ hai. Hai bên sân cấp thứ hai cũng là hai



Gác chuông (cổ)

đầy nhà hàng ăn. Trên sân này có một tháp chuông, kiến trúc ba tầng, mái rất lớn và tuyệt đẹp lại uy nghi. Các người bán quà kỷ niệm rong cứ theo chân chúng tôi mời mua những xôi trảng hạt, màu nâu có, màu đen có hay chỉ được làm bằng những hạt cây tròn mộc mạc.



Qua sân thứ hai này, chúng tôi lại tới bậc thềm thứ hai, cũng khoảng hơn mười bậc bước, đưa lên một sân cấp thứ ba cao hơn. Đây là sân của ngôi nhà Tam Bảo, cũng là sân chính của chùa Thiên Trù.



Sân chùa (cổ)

Giữa sân là một đỉnh đồng Bảo (cổ)

cao ba thước và một đỉnh hương đúc bằng xi măng, khối nhang nghi ngút suốt

ngày. Hai con sư tử được sơn vàng nằm chầu trước cửa ngôi nhà Tam Bảo.

Ngôi nhà Tam Bảo là công trình kiến trúc chính của quần thể chùa Thiên Trù. Một công trình kiến trúc quy mô lớn với phong cách truyền thống. Trên cột nhà Tam Bảo có treo nhiều câu đối sơn son thiếp vàng. Bên trong có nhiều tượng Phật và các vị La Hán tạc bằng đá hay gỗ tuyệt đẹp, một trình độ nghệ thuật và mỹ thuật rất cao. Đặc biệt có ba pho tượng



Nhà Tổ đình (sau Tam Bảo)

lớn, ấy là pho tượng Phật A Di Đà ngồi trên toà sen ở chính giữa. Hai bên tượng A Di Đà là hai pho tượng đứng, mỗi pho cao chừng ba mét. Có những tượng Hộ Pháp rất to và rất oai dũng.

Quần thể chùa Thiên Trù liên kết với nhau theo nhiều nền tầng cấp cao thấp khác nhau rất hài hoà tạo nên một hình dáng kiến trúc tuyệt mỹ, vừa tráng lệ lại vừa thoát tục. Đứng về góc cạnh nào cũng thấy cái vẻ đẹp dung dị mà lại sâu xa của triết lý nghệ thuật xưa và cũng sâu lắng trong sự tôn nghiêm của triết lý đạo Phật.

Ngoài sân chùa có hồ bán nguyệt với hòn non bộ. Cây cối trong chùa xanh tươi mang vẻ đẹp thanh tao, gọn gàng bởi bàn tay con người. Cái đẹp của thiên nhiên hòa trong cái đẹp của nhân tạo làm tăng thêm vẻ siêu thoát của tín ngưỡng.

Một khu bảo tháp sau chùa được xây dựng để chứa hài cốt của những vị trụ trì chùa này. Ngôi bảo tháp lâu đời nhất là bảo



Khu bảo tháp

tháp Hoà thượng Viên Quang, được xây vào thế kỷ

thứ 17. Tháp này được xây bằng gạch đỏ, trên nóc tháp có mái cong như mái chùa.

Cứ dựa theo sử liệu của chùa Thiên Trù còn giữ được, chùa chỉ còn có văn bia đề niên hiệu Chính Hoà-đời Lê Huy Tông năm thứ bảy (1686). Văn bia có ghi vắn tắt về việc nhà sư Viên Quang bắt đầu xây nền, trong thì sửa sang động Hương Tích, ngoài thì mở mang chùa Thiên Trù. Sau được vua ban chức Hoà Thượng thuộc Tăng Lục ty, một viện tôn giáo đời Lê. Văn bia cũng nêu tên những người đóng góp xây dựng chùa, trong đó có tên hai phi tần, đều là vợ của Trịnh Căn, chúa thứ năm trong những đời chúa Trịnh. Tấm bia cổ này cũng mang một giá trị điêu khắc rất cao và được kể như hiếm quý ở nước ta.

Trong chùa Thiên Trù còn có nhiều bảo vật cổ phải kể đến chuông đúc vào thời Tây Sơn, năm Cảnh Thịnh thứ hai (1793). Quả chuông này trước để trong động Hương Tích, sau mới đưa ra Thiên Trù.

Quả thực ai đã đi chùa Hương, hay nói chung là Hương Sơn, ta không thể không đến chiêm ngưỡng cái đẹp, cái thanh thoát của chùa Thiên Trù.

Thi ca cũng đi vào chùa Thiên Trù rất nhiều:

*Tiếng đâu vắng vắng chuông vàng
Khói đâu nghi ngút mùi nhang Thiên Trù
Thuyền nan mấy mái chèo đưa
Một giây thẳng tới bến chùa bước lên*

*Lầu chuông gác trống đôi bên
Cửa rồng năm sắc, đài sen chín tầng
Muôn hồng nghìn tía tung bùng
Suối khe thét nhạc, thông rừng dạo sênh
Chim cúng trái, cá nghe kinh
Then hoa cài nguyệt, chầy kinh nện sương.*

(Trích bài “Hương Tích Hành Trình” của
Chu Mạnh Trinh-)

*Hỏi sơn thủy thanh cao mãi thế?
Hỏi cỏ cây nhuộm vẻ màu thu?
Hỏi hang, hỏi động, hỏi chùa?
Hỏi chim gõ mõ Thiên Trù mãi không?*

(Trích bài “Chơi Chùa Hương” của Dương
Lâm)

*Cao chót vót mấy tòa cổ sái
Ấy chi chi nọ trái Thiên Trù
Trắng trong gió mát một bầu
Ngắm phong cảnh Bồng hồ đâu đó tá?*

(Trích bài “Hương Sơn Phong Cảnh” của
Vũ Phạm Hàm)

*Chùa lấp sau rừng cây
(Thuyền ta đi một ngày)
Lên cửa chùa em thấy
Hơn một trăm ăn mày.*

*Em đi chàng theo sau
Em không dám đi mau,
Ngại chàng chê hấp tấp,*

Số gian nan không giàu.

*Thầy me đến điện thờ
Trầm hương khói tỏa mờ
Hương như là sao lạc,
Lớp sóng người lô nhô*

*Chen vào thật lắm công
Thầy me em lễ xong
Quay về nhà ngang bảo
“Mai mới vào chùa Trong”*

*Chàng hai má đỏ hồng
Kêu với thằng tiểu đồng
Mang túi thơ bầu rượu:
“Mai ta vào chùa Trong”*

*Đêm hôm ấy em mừng!
Mùi trầm hương bay lừng
Em nằm nghe tiếng mõ
Rồi chim kêu trong rìng*

*Em mơ, em yêu đời
Mơ nhiều. . .Viết thế thôi,
Kẻ ai mà xem thấy
Nhìn em đến nức cười.*

*Em chưa tỉnh giấc nồng
Mây núi đã pha hồng
Thầy mẹ em sắp sửa
Vàng hương vào chùa Trong.*

(Trích bài “Chùa Hương” của Nguyễn
Nhược Pháp)

Khi đi qua sân sau của chùa, Mơ kể:

- Hồi độ 15 tuổi, em vào rừng hái mơ. Khi về ngang qua sân chùa sau này, em ngã lưng nơi bệ tháp thờ Đức Phật Bà. Em ngủ quên lúc nào không biết. Trời mưa to đổ xuống nhanh, chợt tỉnh dậy, người em đã ướt hết. Em phải vào bếp nhà chùa hơi ấm, đợi cho khô quần áo, và tạnh cơn mưa, em mới gánh mơ ra thuyền chèo về. Khi về tới nhà thì trời đã tối mịt. Thầy u (u là mẹ) em lo quá tưởng em đã bị cạp vồ.



Hình minh họa

Nghe đến đây, Thi nhe răng, đưa hai bàn tay ra phía trước như hai bàn tay cạp sắp vồ vào người Mơ:

- Cạp sắp ăn thịt chị Mơ này!

Mơ nắm ngay cánh tay Thi cản nhẹ:

- Chị Mơ ăn thịt cạp Thi này!

Thi kêu lên:

- Chị Mơ cản em đau quá! Đau quá! Chảy máu rồi này!

Mơ đứng ngây người ngạc nhiên và tỏ vẻ lo âu, trở mắt nhìn Thi.

Thi vội cười, nói:

- Em đùa chị thôi. Chị hiền lành và thật thà quá. Thấy chị hiền nên em muốn trêu chị cho vui, ai dè lại làm chị sợ. Cho em xin lỗi nhé!

Lúc đó Mơ mới hoàn hồn vội đánh vào tay Thi:

- Em làm chị sợ hết cả hồn!

Uyên mỉm cười, chỉ vào Thi:

- Chị Mơ sẽ còn phải chịu đựng tính trêu đùa và hay nhõng nhẽo của cái “cô bé” Thi này nhiều lần nữa cơ đấy.

Chúng tôi chuẩn bị rời chùa Thiên Trù để vào “chùa Trong.”



*Chùa Hương trời điểm lại trời tô
Một bức tranh tình trải mây Thu
Xuân lại xuân đi không dấu vết
Ai về ai nhớ vẫn thơm tho.
Nước tuôn ngòi biếc trong trong
vắt
Đá hỏm hang đen tối tối mờ.
Chón ấy muốn chơi còn mỗi gói
Phàm trần chưa biết, nhẩn nha
cho.*

(Tản Đà)■